



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 56

Ngày 01 tháng 10 năm 2014

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 13-9-2014 - Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ban hành chính sách đầu tư đối với giáo dục mầm non và chế độ hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc ngành học mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

- 09-7-2014 - Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế Văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện, các phòng ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Củ Chi. 8

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

- 28-8-2014 - Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện Nhà Bè. 15

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 27-8-2014 - Quyết định số 4277/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 25
- 30-8-2014 - Quyết định số 4362/QĐ-UBND về ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm. 45
- 06-9-2014 - Quyết định số 4447/QĐ-UBND về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Công an. 47
- 10-9-2014 - Quyết định số 4518/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến 2020. 49

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2014/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2014*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chính sách đầu tư đối với giáo dục mầm non và chế độ  
hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc  
ngành học mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2195/TTr-GDĐT-VP ngày 03 tháng 7 năm 2014 và Công văn số 3018/GDĐT-VP ngày 28 tháng 8 năm 2014, ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4141/STP-VB ngày 04 tháng 8 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành chính sách đầu tư đối với giáo dục mầm non và chế độ hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc ngành học mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

**1. Chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp**

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập:

Ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng mới các trường mầm non theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận, huyện; trong đó tập trung đầu tư xây dựng các trường mầm non ở các khu chế xuất, khu công nghiệp thành phố và 11 phường chưa có trường mầm non.

Nguồn phí thực hiện từ vốn vay của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố (HFIC) và các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn Thành phố đăng ký thực hiện cơ chế huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng các trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố và theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngân sách Thành phố bố trí vốn trả dần nợ gốc và lãi vay theo định kỳ.

b) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công:

- Ưu tiên dành quỹ đất cho việc xây dựng các trường mầm non ngoài công lập trong quy hoạch sử dụng đất dành cho giáo dục thành phố. Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện công khai chi tiết, cụ thể về quy hoạch sử dụng đất dành cho giáo dục, trong đó có đất dành cho giáo dục mầm non để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia thực hiện.

- Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng các cơ quan có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách kêu gọi xã hội hóa từ mặt bằng đã được xử lý theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước để tiếp tục sử dụng mặt bằng xây dựng trường mầm non theo quy hoạch và quy chuẩn trường lớp của ngành giáo dục và đào tạo, cụ thể như sau:

+ Mở rộng đối tượng cho vay vốn kích cầu đầu tư mới xây dựng trường mầm non với mức ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất;

+ Điều chỉnh thời gian trả vốn vay từ 07 năm lên 08 năm/01 dự án; trong đó,

thời gian bắt đầu trả nợ gốc và lãi vay là thời gian công trình hoàn thành, nhưng tối đa không quá 24 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;

- Ủy ban nhân dân quận, huyện cân đối từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn khác cho các cá nhân vay không tính lãi suất nhằm cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho các nhóm trẻ gia đình để bảo đảm điều kiện cấp phép hoạt động. Khi triển khai nội dung hỗ trợ này cần bảo đảm về tiêu chí, quy mô nhóm trẻ; thủ tục thực hiện cần nhanh, gọn, rõ ràng, công khai, minh bạch và đúng mục đích sử dụng; tăng cường công tác quản lý nhằm tránh những tiêu cực phát sinh trong quá trình cho vay.

## **2. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non**

### **a) Bổ sung chức danh và biên chế:**

- Bổ sung biên chế hành chính cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện để bố trí công chức làm công tác quản lý giáo dục mầm non ngoài công lập; tùy theo yêu cầu thực tế về quy mô, số lượng các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

- Bổ sung biên chế chức danh nhân viên nuôi dưỡng cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập: 01 lớp có 01 nhân viên nuôi dưỡng để hỗ trợ giáo viên mầm non trong việc chăm sóc trẻ, vệ sinh môi trường, phòng học, nhà vệ sinh, hành lang và vệ sinh đồ dùng, đồ chơi cho các cháu...

Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt.

### **b) Đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ:**

- Giáo viên (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng): thuộc biên chế trả lương, đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được nhà nước cấp kinh phí hoạt động (bao gồm nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật);

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng): thuộc biên chế trả lương của các cơ sở giáo dục công lập, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Nhân viên nuôi dưỡng (bảo mẫu), kế toán, thủ quỹ, y tế, phục vụ, bảo vệ, văn thư, thư viện, kỹ thuật viên (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương.

- Cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

c) Chế độ hỗ trợ:

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non công lập:

+ Đối với cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, hỗ trợ thêm 25% tiền lương do tính chất công việc;

+ Đối với cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp giảng dạy nhóm lớp 6 đến 18 tháng tuổi, hỗ trợ thêm 35% tiền lương do tính chất công việc;

+ Đối với giáo viên mầm non mới ra trường được tuyển dụng mới: Hỗ trợ thêm cho giáo viên mới về công tác tại các trường mầm non từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2016 - 2017, theo mức như sau:

- Năm đầu được tuyển dụng: Hỗ trợ 100% lương cơ sở/người/tháng;
- Năm thứ hai sau khi được tuyển dụng: Hỗ trợ 70% lương cơ sở/người/tháng;
- Năm thứ ba sau khi được tuyển dụng: Hỗ trợ 50% lương cơ sở/người/tháng;
- Từ năm thứ tư thực hiện chế độ tiền lương cho giáo viên theo quy định hiện hành.

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập:

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng trẻ ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm; kinh phí đào tạo thực hiện từ ngân sách nhà nước với mức: 1.800.000 đồng/người/khóa.

+ Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập cộng đồng ở các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập 200.000 đồng/giáo viên/trẻ/tháng, chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

### **3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Do ngân sách Thành phố cấp hàng năm cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

### **4. Tổ chức thực hiện**

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 09 tháng 7 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế Văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện, các phòng ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại văn bản số 280/TP ngày 09/7/2014 và của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 663/TTr-PNV ngày 09/7/2014,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện, các phòng ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Củ Chi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về ban hành Quy chế Văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Củ Chi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện, các phòng ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Cử Chi**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

### **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định về trang phục, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành công vụ, trang trí công sở tại Ủy ban nhân dân huyện; các phòng ban chuyên môn và tại Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn.

#### **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện văn hóa công sở**

Việc thực hiện văn hóa công sở phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội.
2. Phù hợp với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại.
3. Phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

#### **Điều 3. Mục đích**

Việc thực hiện văn hóa công sở nhằm các mục đích sau đây:

1. Bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.
2. Xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

3. Là căn cứ để cơ quan xử lý trách nhiệm khi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các chuẩn mực xử sự trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ, đồng thời là căn cứ để nhân dân giám sát việc chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức.

#### **Điều 4. Các hành vi bị cấm**

1. Hút thuốc lá trong phòng họp và phòng làm việc.
2. Vào cơ quan sau khi đã uống rượu bia hoặc thức uống có cồn; trong giờ làm việc sử dụng thức uống có cồn, trừ trường hợp được sự đồng ý của lãnh đạo cơ quan vào các dịp liên hoan, lễ tết, tiếp khách.
3. Tổ chức quảng cáo thương mại trong khuôn viên công sở.
4. Lập bàn thờ, thắp hương, đun, nấu trong phòng làm việc.

## **Chương II**

### **TRANG PHỤC, GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

#### **Mục 1**

#### **TRANG PHỤC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

##### **Điều 5. Trang phục**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, công chức, viên chức phải mặc trang phục gọn gàng, lịch sự; Mặc đồng phục theo đúng quy định của đơn vị.
2. Cán bộ, công chức, viên chức có trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của ngành.

##### **Điều 6. Lễ phục**

Lễ phục của cán bộ, công chức, viên chức là trang phục chính thức được sử dụng trong những buổi lễ, cuộc họp trọng thể, các cuộc tiếp khách nước ngoài.

1. Lễ phục của nam cán bộ, công chức, viên chức: bộ comple, áo sơ mi, caravat.
2. Lễ phục của nữ cán bộ, công chức, viên chức: áo dài truyền thống, bộ comple nữ.

##### **Điều 7. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức**

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức phải có tên cơ quan, ảnh, họ và tên, chức danh, tên đơn vị công tác.

**Mục 2****GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC****Điều 8. Giao tiếp và ứng xử**

Cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ phải thực hiện các quy định về những việc phải làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

Trong giao tiếp và ứng xử, cán bộ, công chức, viên chức phải có thái độ lịch sự, nhã nhặn, văn minh, tôn trọng. Ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc; không nói tục, nói tiếng lóng, quát nạt, nói lớn tiếng.

**Điều 9. Giao tiếp và ứng xử với nhân dân**

Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức phải gần gũi với nhân dân, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc.

Cán bộ, công chức, viên chức không được có thái độ hách dịch, cửa quyền, nhũn nhũn, gây khó khăn, phiền hà khi thi hành công vụ.

**Điều 10. Giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp**

Trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức phải lắng nghe, có thái độ trung thực, thân thiện, hợp tác, hòa đồng, chân tình, phải giữ gìn uy tín cho cơ quan, đồng nghiệp.

**Điều 11. Giao tiếp qua điện thoại**

Khi giao tiếp qua điện thoại, cán bộ, công chức, viên chức phải xưng tên, cơ quan, đơn vị nơi công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc; không ngắt điện thoại đột ngột.

**Chương III****TRANG TRÍ CÔNG SỞ****Mục 1****QUỐC HUY, QUỐC KỶ****Điều 12. Treo Quốc huy**

Quốc huy được treo trang trọng tại phía trên cổng chính hoặc tòa nhà chính.

Kích cỡ Quốc huy phải phù hợp với không gian treo. Không treo Quốc huy quá cũ hoặc bị hư hỏng.

### **Điều 13. Treo Quốc kỳ**

Quốc kỳ được treo nơi trang trọng trước công sở hoặc tòa nhà chính. Quốc kỳ phải đúng tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc đã được Hiến pháp quy định.

Việc treo Quốc kỳ trong các buổi lễ phải tuân theo quy định về nghi lễ nhà nước.

## **Mục 2**

### **TRANG TRÍ KHUÔN VIÊN CÔNG SỞ**

### **Điều 14. Biển tên cơ quan**

Cơ quan phải có biển tên được đặt tại cổng chính, trên đó ghi rõ tên gọi đầy đủ của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Công văn số 471/SNV-XDCQ ngày 06/5/2009 của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 15. Phòng làm việc**

Phòng làm việc phải có biển tên ghi rõ tên đơn vị; Tại bàn làm việc phải có biển ghi họ và tên, chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Việc sắp xếp, trang trí phòng làm việc phải bảo đảm gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, hợp lý, có treo ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cán bộ, công chức, viên chức phải có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường trong phòng làm việc và trong cơ quan.

Tùy theo nhu cầu thực tế, đột xuất, Đoàn cơ sở Cơ quan chính quyền, Chi đoàn cơ quan, đơn vị có thể huy động đoàn viên Đoàn thanh niên tổ chức làm vệ sinh trong khuôn viên cơ quan.

### **Điều 16. Khu vực để xe, mở rộng thêm một số hoạt động phục vụ nhân dân và doanh nghiệp đến giao dịch**

Cơ quan có trách nhiệm bố trí khu vực để xe của cán bộ, công chức, viên chức và người đến giao dịch, làm việc. Không thu phí gửi xe của người đến giao dịch, làm việc.

Tại phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện và 21 xã, thị trấn, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất phải cung cấp nước uống đảm bảo sức khỏe cho người dân; cung cấp một số loại báo cần thiết để người dân đọc tại chỗ

và hệ thống máy vi tính phải đảm bảo kết nối internet liên tục để phục vụ người dân truy cập thông tin, tìm hiểu về các quy định thủ tục hành chính khi cần.

Ngoài ra, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thể trang bị thêm một số các hoạt động khác phục vụ cho người dân tại phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị nhưng không trái với quy định của pháp luật và không lãng phí.

### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn, toàn thể cán bộ, công chức và viên chức thuộc huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để xem xét sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của huyện ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/QĐ-UBND

*Nhà Bè, ngày 28 tháng 8 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện Nhà Bè**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 53/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 301/TTr-PNV ngày 25 tháng 8 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện Nhà Bè.

**Điều 2.** Giao Thủ trưởng các phòng, ban phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện Nhà Bè triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước và quy định tại Quyết định này.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn xã - thị trấn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Lưu**



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện Nhà Bè**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định mối quan hệ công tác phối hợp giữa Ủy ban nhân dân huyện và các phòng, ban với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện trong việc bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

### **Điều 2. Nguyên tắc phối hợp**

1. Mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân huyện và các phòng, ban với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện là mối quan hệ phối hợp trên nguyên tắc tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân huyện và các phòng, ban tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, kinh phí, phương tiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tham gia quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động có liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới trên địa bàn huyện.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện**

1. Mời Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện:

a) Tham gia thảo luận hoặc gửi dự thảo văn bản để Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện góp ý kiến khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trật tự an toàn xã hội tại huyện liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới theo quy định của pháp luật.

b) Tham gia với Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật huyện

tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với các đối tượng phụ nữ, trẻ em và vấn đề bình đẳng giới.

c) Tham gia là thành viên chính thức trong các tổ chức tư vấn (Hội đồng, Ủy ban, Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý...) liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới trên các lĩnh vực.

d) Tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát của tổ chức tư vấn cấp huyện về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tổ chức các cuộc họp, đối thoại với cán bộ, hội viên phụ nữ để thu thập ý kiến về tình hình thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách; nghiên cứu, xem xét và xử lý các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về cơ chế, chính sách, hỗ trợ kinh phí, điều kiện và phương tiện làm việc, các hoạt động gây quỹ Hội, tổ chức sản xuất, dịch vụ, hỗ trợ phụ nữ giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến sự tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ phù hợp với luật pháp, chính sách của Nhà nước.

4. Chỉ đạo các tổ chức tư vấn (Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý, Hội đồng, Ủy ban...) và các phòng, ban huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện và Quy chế phối hợp này.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các phòng, ban, ngành huyện**

1. Mời Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện:

a) Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em; các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc chức năng quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý liên quan đến phụ nữ, trẻ em và vấn đề bình đẳng giới do phòng, ban, ngành tổ chức.

c) Tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phụ nữ, trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới trong các lĩnh vực có liên quan.

2. Tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tham gia quản lý nhà nước và

thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 29, 30 của Luật Bình đẳng giới và Điều 33, 34 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Ngoài quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Thủ trưởng các đơn vị Lực lượng Vũ trang huyện (Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện) có chế độ hỗ trợ về kinh phí, điều kiện và phương tiện làm việc, các hoạt động gây quỹ, hỗ trợ nữ cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến sự tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ phù hợp với luật pháp, chính sách của Nhà nước.

4. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này Thủ trưởng các phòng, ban liên quan đến phong trào phụ nữ và hoạt động Hội của huyện tạo điều kiện thuận lợi để Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tham gia quản lý nhà nước trong việc triển khai, thực hiện các chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em; các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc chức năng quản lý của phòng, ban, ngành trong từng giai đoạn theo quy định của pháp luật:

a) Phòng Văn hóa và Thông tin: Tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện triển khai, thực hiện Chương trình Đào tạo trực tuyến về kỹ năng công tác xã hội cho cán bộ Hội các cấp đảm bảo tiến độ, hiệu quả; chỉ đạo các phương tiện thông tin đại chúng huyện tăng cường chất lượng, nội dung tin, bài về phong trào phụ nữ và hoạt động Hội của huyện, giáo dục giá trị truyền thống của phụ nữ Việt Nam, nêu gương người tốt, việc tốt; phê phán những biểu hiện phân biệt đối xử với phụ nữ; chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Tiêu Đề án 3, Đề án 343 của Chính phủ về “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện triển khai, thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và chương trình phối hợp về việc đẩy mạnh công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững giai đoạn 2012 - 2015; phong trào thể dục thể thao “Mỗi hội viên chọn 1 môn thể thao thích hợp”; lồng ghép tuyên truyền 6 tiêu chí xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với các tiêu chuẩn Gia đình văn hóa và các danh hiệu văn hóa của khu dân cư trên địa bàn thành phố.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện triển khai, thực hiện bình đẳng giới trên các lĩnh vực lao động, việc làm; thực hiện có hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm

giai đoạn 2010 - 2015” và Chương trình liên tịch triển khai nhân rộng mô hình Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người hoàn lương và phụ nữ bị buôn bán trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015.

c) Phòng Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Tiểu Đề án 2, Đề án 343 của Chính phủ về “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” trong hệ thống các trường học (giai đoạn 2010 - 2015); Đề án 704 của Chính phủ về “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt” gắn với cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; Kế hoạch phối hợp phổ biến kiến thức và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho người nuôi, giữ trẻ tại các nhóm trẻ gia đình ở cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện; phong trào thi đua Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

d) Phòng Y tế: Tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tổ chức các hoạt động truyền thông lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - kế hoạch hóa gia đình; dinh dưỡng; an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng, chống HIV/AIDS; triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Phụ nữ cả nước thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm vì sức khỏe gia đình và cộng đồng”.

đ) Phòng Tư pháp: Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phối hợp giữa Phòng Tư pháp và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về việc đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2013 - 2017 trên địa bàn huyện.

e) Phòng Kinh tế: Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện xây dựng Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân ở nông thôn giai đoạn 2013 - 2016 trên địa bàn huyện; tiếp tục phối hợp thực hiện có hiệu quả Chương trình Xây dựng nông thôn mới; Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn; Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; phối hợp thực hiện công trình Đại hội Phụ nữ thành phố nhiệm kỳ 2011 - 2016 về xây dựng mảng cây xanh tại 100% hộ gia đình ở 5 huyện ngoại thành; thực hiện có hiệu quả cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, phong trào “Người kinh doanh mới” trong tiểu thương; tăng số lượng Cửa hàng liên kết Hội Phụ nữ - Co.op tham gia có hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường của thành phố hàng năm; tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng kinh doanh cho tiểu thương và nữ doanh nhân.

g) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ

huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình liên tịch về Phát huy vai trò phụ nữ trong tham gia bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững giai đoạn 2012 - 2016.

h) Công an huyện: Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết liên tịch số 01/NQLT-BCA-HLHPNVN về quản lý, giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội và các chương trình khác nhằm góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

i) Ban Chỉ huy Quân sự huyện: Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đẩy mạnh Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh và thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, tăng cường các hoạt động kết nghĩa, thăm hỏi các đơn vị biên phòng, quân đội tại địa phương; thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp hoạt động Vận động phụ nữ tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, hải đảo.

k) Phòng Tài chính - Kế hoạch: Bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức.

5. Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ cụ thể quy định trong Quy chế phối hợp này có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định.

## **Điều 5. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Nội vụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện và Đài Truyền thanh**

### **1. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện:**

Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu bố trí lịch họp định kỳ giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện theo quy định.

### **2. Trách nhiệm của Phòng Nội vụ:**

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị huyện và Ủy ban nhân dân xã - thị trấn thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 3, 4 Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ tại các cơ quan, đơn vị huyện và Ủy ban nhân dân xã - thị trấn.

c) Tham mưu báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện; đồng thời phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện bố trí lịch họp định kỳ giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện theo quy định.

### 3. Trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện:

a) Cử đại diện tham gia các hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Chủ động, nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới; cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới;

c) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị huyện và Ủy ban nhân dân xã - thị trấn trong việc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới;

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và trách nhiệm của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

đ) Hướng dẫn, hỗ trợ các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ trên địa bàn huyện thực hiện có hiệu quả Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ; tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em; chủ động phối hợp với các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, địa phương phát hiện và giải quyết các nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, ly hôn, buôn bán phụ nữ và trẻ em, hôn nhân có yếu tố nước ngoài thiếu lành mạnh, xâm hại tình dục trẻ em, bất bình đẳng giới;

e) Tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ chấp hành và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hưởng ứng các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân thành phố, huyện đề ra;

g) Vận động phụ nữ phấn đấu vượt mọi khó khăn, cải thiện kinh tế gia đình, góp phần tích cực trong thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá huyện, chương trình xây dựng

nông thôn mới, chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân;

h) Tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị của huyện giai đoạn 2011 - 2015, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cán bộ Hội về quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt, phát huy tốt vai trò tham mưu của tổ chức Hội.

#### 4. Trách nhiệm của Đài Truyền thanh:

Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện xây dựng chuyên mục “Phát thanh phụ nữ”, tăng cường chất lượng, nội dung tin, bài về phong trào phụ nữ và hoạt động Hội, giáo dục giá trị truyền thống của phụ nữ Việt Nam, nêu gương người tốt việc tốt; phê phán những biểu hiện phân biệt đối xử với phụ nữ.

### **Điều 6. Chế độ làm việc giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện**

1. Định kỳ 6 tháng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện làm việc với Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện chế độ, chính sách và những kiến nghị, đề xuất về các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; đồng thời thảo luận và xây dựng kế hoạch phối hợp cho các hoạt động trong 6 tháng tiếp theo.

2. Định kỳ làm việc giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về tình hình thực hiện nội dung phối hợp hàng năm, gồm các nội dung cụ thể:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện tình hình hoạt động Hội và phong trào phụ nữ huyện; tâm tư, nguyện vọng, dư luận của các tầng lớp phụ nữ qua việc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Kiểm điểm việc thực hiện quy chế và Kế hoạch phối hợp hàng năm giữa Ủy ban nhân dân huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện.

- Ủy ban nhân dân huyện thông báo tình hình kinh tế - xã hội của huyện và giải quyết những kiến nghị do Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đề xuất.

#### 3. Tổ chức sơ kết, tổng kết:

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội nghị sơ kết ở cấp huyện và 5 năm một lần tiến hành việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định trong toàn

huyện và gửi báo cáo sơ, tổng kết về Sở Nội vụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Lưu**



## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4277/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4409/TTr-STP-KSTT ngày 18 tháng 8 năm 2014,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ - PHƯỜNG, THỊ TRẤN  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4277/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Phần A  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
<b>I. Lĩnh vực Hành chính Tư pháp</b>			
1		Nhóm thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế, đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 06 tuổi	Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2		Nhóm thủ tục đăng ký khai sinh - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Phần B**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn**

*Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung*

**1. Nhóm thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế, đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 06 tuổi:**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Người đi đăng ký khai sinh xuất trình các giấy tờ, nộp hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký cấp thẻ bảo hiểm y tế và đăng ký thường trú tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng của trẻ em đăng ký thường trú và đóng lệ phí đăng ký thường trú từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

\* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ: công chức tiếp nhận hồ sơ ra phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

\* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để người nộp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3:

a) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện cấp Giấy khai sinh cho trẻ em ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

*Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm:*

- Chuyển thông tin đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

- Chuyển hồ sơ đăng ký thường trú đến Công an quận, huyện: bản sao Giấy khai sinh của trẻ em và các giấy tờ kèm theo.

b) Giải quyết hồ sơ tại Bảo hiểm xã hội quận, huyện và Công an quận, huyện:

- Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân cấp phường - xã, thị trấn chuyển đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện xử lý hồ sơ và cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Trong trường hợp cá biệt (trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo...), Bảo hiểm xã hội quận, huyện cấp thẻ bảo hiểm y tế ngay trong ngày tiếp nhận thông tin do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chuyển đến.

- Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chuyển đến, Công an quận, huyện xử lý hồ sơ và thực hiện đăng ký thường trú.

d) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết hồ sơ của Bảo hiểm xã hội quận, huyện và Công an quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chuyển hồ sơ cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện và nhận Thẻ bảo hiểm y tế từ Bảo hiểm xã hội quận, huyện; nhận sổ hộ khẩu từ Công an quận, huyện.

+ Bước 4: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế và Hộ khẩu.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1. Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy chứng minh nhân dân của người đi đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn). Trường hợp cán bộ Tư pháp - hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha, mẹ trẻ em, thì không bắt buộc phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn.

\* Hồ sơ phải nộp

a) Tờ khai đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực;

c) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;

d) Giấy tờ kèm theo gồm:

- Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo mẹ: Hộ khẩu của mẹ (bản chính);

- Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo cha: Hộ khẩu của cha (bản chính);

- Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo người nuôi dưỡng: Hộ khẩu của người nuôi dưỡng (bản chính) và tùy trường hợp phải có các giấy tờ như:

+ Giấy tờ chứng minh không còn cha mẹ: giấy chứng tử của cha, mẹ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha, mẹ mất tích, chết hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi cư trú về việc cha, mẹ đã chết;

+ Giấy tờ chứng minh về việc cha, mẹ không có khả năng nuôi dưỡng: xác nhận của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

Ngoài các giấy tờ nêu trên, tùy từng trường hợp cụ thể khi đăng ký thường trú công dân phải có giấy tờ chứng minh hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn về mối quan hệ ông, bà nội, ông, bà ngoại, anh, chị, em ruột, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, người giám hộ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, Bảo hiểm xã hội quận, huyện, Công an quận, huyện.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi, sổ hộ khẩu thường trú có ghi tên trẻ em.

---

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*

- **Lệ phí:** 10.000 đồng/trường hợp đối với hồ sơ đăng ký thường trú tại các quận, 5.000 đồng/trường hợp đối với hồ sơ đăng ký thường trú tại các huyện.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ *Mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh (TP/HT-2012- TKKS.1);*

+ *Mẫu Giấy Khai sinh (TP/HT-2010-KS.1);*

+ Mẫu Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu.

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Áp dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi có cha hoặc mẹ hay người nuôi dưỡng có đăng ký thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2007);

+ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch và Nghị định số 06/2012/NĐ - CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực (có hiệu lực ngày 01 tháng 4 năm 2006).

+ *Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Cư trú (có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2014);*

+ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2009);

+ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (có hiệu lực ngày 30 tháng 6 năm 2007);

+ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (có hiệu lực ngày 09 tháng 7 năm 2008);

---

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*

+ Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2009 liên Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế (có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2009);

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007);

+ Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về miễn thu một số khoản phí và lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực ngày 22 tháng 5 năm 2008);

+ Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực ngày 09 tháng 02 năm 2013);

+ *Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực ngày 02 tháng 8 năm 2014).*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

**Kính gửi:** <sup>(1)</sup> .....

**Họ và tên người khai:**.....

Nơi thường trú/tạm trú: <sup>(2)</sup> .....

Số CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: <sup>(3)</sup> .....

Quan hệ với người được khai sinh:.....

Đề nghị <sup>(1)</sup> ..... đăng ký khai sinh cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: ..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... (Bằng chữ.....)

.....)

Nơi sinh: <sup>(4)</sup> .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch:.....

**Họ và tên cha:**.....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh.....

Nơi thường trú/tạm trú: <sup>(2)</sup> .....

**Họ và tên mẹ:**.....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh.....

Nơi thường trú/tạm trú: <sup>(2)</sup> .....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người đi khai sinh**<sup>(5)</sup>

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người cha**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

**Người mẹ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup> Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

<sup>(2)</sup> Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ “tạm trú”; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ “thường trú” và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.

<sup>(3)</sup> Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ “Giấy tờ hợp lệ thay thế”; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ, số của giấy tờ và gạch cụm từ “CMND”.

<sup>(4)</sup> Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện thì ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: bệnh viện Phụ sản Hà Nội). Trường hợp trẻ em sinh tại cơ sở y tế, thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Trường hợp trẻ em sinh ra ngoài bệnh viện và cơ sở y tế, thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (phường - xã, thị trấn, cấp huyện, cấp tỉnh), nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

<sup>(5)</sup> Chỉ cần thiết trong trường hợp người đi khai sinh không phải là cha, mẹ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

Quyển số: .....



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN CHÍNH)

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Chỉ bằng chữ: .....

Nơi sinh: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Họ và tên cha: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh: .....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Họ và tên mẹ: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh: .....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Nơi đăng ký: .....

Ngày, tháng, năm đăng ký: .....

Ghi chú: .....

Họ và tên người đi khai sinh: .....

Quan hệ với người được khai sinh: .....

**NGƯỜI THỰC HIỆN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

06/2010 CTT số 08.4/2010(TT-BTP) XBTĐ

Mẫu TĐKT-2010-KS.1



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc****PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: .....

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên<sup>(1)</sup>: ..... 2. Giới tính:.....  
 3. CMND số:..... 4. Hộ chiếu số:.....  
 5. Nơi thường trú:.....  
 6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:.....  
 .....Số điện thoại liên hệ:.....

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên<sup>(1)</sup>: ..... 2. Giới tính:.....  
 3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../... 4. Dân tộc: ..... 5. Quốc tịch:.....  
 6. CMND số:..... 7. Hộ chiếu số:.....  
 8. Nơi sinh:.....  
 9. Quê quán:.....  
 10. Nghề nghiệp, nơi làm việc:.....  
 11. Nơi thường trú:.....  
 12. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:.....  
 .....Số điện thoại liên hệ:.....  
 13. Họ và tên chủ hộ: ..... 14. Quan hệ với chủ hộ:.....  
 15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu<sup>(2)</sup>:.....  
 .....

**16. Những người cùng thay đổi:**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Nghề nghiệp	Dân tộc	Quốc tịch	CMND số (hoặc Hộ chiếu số)	Quan hệ với người có thay đổi

..... ngày..... tháng..... năm.....

Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ<sup>(3)</sup>

(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN** <sup>(4)</sup>: .....

.....

.....

.....

.....

.....

... .. ngày... .. tháng... .. năm... ..  
TRƯỞNG CÔNG AN: .....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

<sup>(1)</sup> *Viết chữ in hoa đủ dấu;*

<sup>(2)</sup> *Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu...*

<sup>(3)</sup> *Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

<sup>(4)</sup> *Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

## **2. Nhóm thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi:**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Người đi đăng ký khai sinh xuất trình các giấy tờ, nộp hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký cấp thẻ bảo hiểm y tế và đăng ký thường trú tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng của trẻ em đăng ký thường trú và đóng lệ phí đăng ký thường trú từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

\* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ: công chức tiếp nhận hồ sơ ra phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

\* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để người nộp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

### + Bước 3:

a) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện cấp Giấy khai sinh cho trẻ em ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Ngay sau khi cấp Giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển thông tin đến Bảo hiểm xã hội quận - huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

c) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chuyển đến Bảo hiểm xã hội quận - huyện xử lý hồ sơ và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Trong trường hợp cá biệt (trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo, ...), Bảo hiểm xã hội quận - huyện cấp thẻ bảo hiểm y tế trong ngày tiếp nhận thông tin do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chuyển đến.

d) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết hồ sơ của Bảo hiểm xã hội quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện chuyển hồ sơ cho Bảo hiểm xã hội quận - huyện và Thẻ bảo hiểm y tế từ Bảo hiểm xã hội quận - huyện.

---

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

+ *Bước 4: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế.*

- **Cách thức thực hiện:** Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy chứng minh nhân dân của người đi đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn). Trường hợp cán bộ Tư pháp - hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha, mẹ trẻ em không bắt buộc phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn.

- Giấy tờ phải nộp

a) Tờ khai đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực;

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** *Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.*

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi.

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ *Mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh (TP/HT-2012- TKKS.1);*

---

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*

+ *Mẫu Giấy Khai sinh (TP/HT-2010-KS.1).*

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Áp dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi có cha hoặc mẹ hay người nuôi dưỡng có đăng ký thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch và Nghị định số 06/2012/NĐ - CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực (có hiệu lực ngày 01 tháng 4 năm 2006);

+ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2009);

+ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (có hiệu lực ngày 30 tháng 6 năm 2007);

+ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ - CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (có hiệu lực ngày 09 tháng 7 năm 2008);

+ Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT - BYT - BTC ngày 14 tháng 8 năm 2009 liên Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế (có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2009);

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007);

+ Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về miễn thu một số khoản phí và lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực ngày 22 tháng 5 năm 2008);

---

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*



+ Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực ngày 09 tháng 02 năm 2013);

+ *Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực ngày 02 tháng 8 năm 2014).*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

**Kính gửi:** <sup>(1)</sup> .....

**Họ và tên người khai:**.....

Nơi thường trú/tạm trú: <sup>(2)</sup> .....

Số CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: <sup>(3)</sup> .....

Quan hệ với người được khai sinh:.....

Đề nghị <sup>(1)</sup> ..... đăng ký khai sinh cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: ..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... (Bằng chữ.....)

.....)

Nơi sinh: <sup>(4)</sup> .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch:.....

**Họ và tên cha:**.....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh.....

Nơi thường trú/tạm trú: <sup>(2)</sup> .....

**Họ và tên mẹ:**.....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh.....

Nơi thường trú/tạm trú: <sup>(2)</sup> .....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người đi khai sinh** <sup>(5)</sup>

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người cha**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

**Người mẹ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup> Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

<sup>(2)</sup> Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ “tạm trú”; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ “thường trú” và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.

<sup>(3)</sup> Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ “Giấy tờ hợp lệ thay thế”; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ, số của giấy tờ và gạch cụm từ “CMND”.

<sup>(4)</sup> Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện thì ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: bệnh viện Phụ sản Hà Nội). Trường hợp trẻ em sinh tại cơ sở y tế, thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Trường hợp trẻ em sinh ra ngoài bệnh viện và cơ sở y tế, thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (phường - xã, thị trấn, cấp huyện, cấp tỉnh), nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

<sup>(5)</sup> Chỉ cần thiết trong trường hợp người đi khai sinh không phải là cha, mẹ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

Quyển số: .....



**GIẤY KHAI SINH**  
 (BẢN CHÍNH)

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Chỉ bằng chữ: .....

Nơi sinh: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Họ và tên cha: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh: .....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Họ và tên mẹ: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: ..... Năm sinh: .....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Nơi đăng ký: .....

Ngày, tháng, năm đăng ký: .....

Ghi chú: .....

Họ và tên người đi khai sinh: .....

Quan hệ với người được khai sinh: .....

**NGƯỜI THỰC HIỆN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

06/2010 (TT - Số 08/LC/2010/TT-BTP) XBT/P

Mẫu TPHHT-2010-KS.1



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4362/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại  
Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 12725/SLĐT BXH-VL ngày 25 tháng 8 năm 2014; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 3779/STP-VB ngày 11 tháng 7 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Khi thực hiện việc ủy quyền theo quyết định này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng con dấu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện việc ủy quyền định kỳ 6 (sáu) tháng, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4447/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Công an**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 7181/STC-HCSN ngày 11 tháng 8 năm 2014 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 3895/STP-VB ngày 22 tháng 7 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm như sau:

- Tiếp nhận toàn bộ số tiền Việt Nam, ngoại tệ, tài sản, tang vật, phương tiện do cơ quan Thi hành án các cấp hoặc cơ quan đang quản lý tiền Việt Nam, ngoại tệ, tài sản, phương tiện, tang vật chuyển giao, tổ chức bán đấu giá tài sản, tang vật, phương

tiện (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 2 Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Công an.

- Trích số tiền Việt Nam, ngoại tệ và tiền thu được từ bán đấu giá tài sản, tang vật, phương tiện cho Quỹ phòng, chống tội phạm Trung ương, Quỹ phòng, chống tội phạm Thành phố và các Cơ quan điều tra trực tiếp khám phá, thụ lý chính vụ án về hình sự theo tỷ lệ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 2 và tại Khoản 2, Điều 6 của Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Công an.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài chính được sử dụng con dấu của Sở Tài chính khi thực hiện công việc được ủy quyền quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4518/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non  
từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến 2020**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Kế hoạch số 3970/KHLN-BLĐT BXH-BGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2013 về thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2195/TTr-GDĐT-VP ngày 03 tháng 7 năm 2014 và ý kiến của Sở Tư pháp Tại Công văn số 4143/STP-VP ngày 04 tháng 8 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **“Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn Thành phố từ năm 2014 đến 2020”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4518/QĐ-UBND*

*ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Căn cứ thực trạng công tác chăm sóc trẻ mầm non tại các nhóm trẻ gia đình, các điểm, lớp, trường mầm non công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch “Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn Thành phố từ năm 2014 đến 2020”, cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Tuyên truyền, phổ biến các yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường mầm non;
- Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi cho đội ngũ giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo;
- Chuẩn bị các điều kiện về trường, lớp; về cơ sở vật chất; nhân sự để tổ chức nhận trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi. Ưu tiên nhận giữ trẻ có cả cha và mẹ là công nhân và người lao động có thu nhập thấp.
- Xây dựng lộ trình tổ chức chăm sóc trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi tại các trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố.

### **II. THỰC TRẠNG**

#### **1. Những kết quả đạt được**

Ngành Giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua phát triển mạnh mẽ về quy mô, số lượng và chất lượng các cơ sở giáo dục mầm non:

	<b>Năm học 2009 - 2010</b>	<b>Năm học 2010 - 2011</b>	<b>Năm học 2011 - 2012</b>	<b>Năm học 2012 - 2013</b>	<b>Năm học 2013 - 2014</b>
Số trường	685	707	777	827	907
Số nhóm, lớp độc lập	640	742	925	1.152	1.469
Số trẻ	259.900	277.298	304.572	319.127	336.008
Số giáo viên	13.034	13.983	14.882	16.532	18.544

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều chuyên đề như: đổi mới tổ chức bữa ăn, đổi mới hoạt động làm quen chữ viết, đánh giá giáo viên tổ chức hoạt động vui chơi, đổi mới hoạt động giáo dục âm nhạc... nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng tốt hơn.

Số lượng giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng có trình độ trên chuẩn hiện nay trên 71,3%; đa số giáo viên ứng dụng được công nghệ thông tin trong việc lập kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhiều trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia. Hiện nay toàn Thành phố có 91 trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Về cơ chế quản lý, căn cứ các quy định pháp luật: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện chỉ quản lý, chỉ đạo về chuyên môn và tham mưu cấp giấy phép hoạt động cho các cơ sở mầm non ngoài công lập. Phường cấp phép thành lập cho nhóm, lớp; quận, huyện cấp phép thành lập cho trường Mầm non ngoài công lập.

Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện tạo điều kiện cho các cơ sở mầm non ngoài công lập được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, tham gia phong trào thi đua, khen thưởng như các trường công lập trong quận (huyện) và phân công ban giám hiệu của các trường công lập theo dõi, hỗ trợ các cơ sở mầm non ngoài công lập trên địa bàn về chuyên môn.

## **2. Một số hạn chế, khó khăn**

\* Về quy mô trường, lớp: Sự gia tăng dân số cơ học quá nhanh dẫn đến việc xây dựng trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu gửi trẻ. Hiện vẫn còn 11 phường chưa có trường Mầm non công lập; nhiều quận, huyện phải xây dựng trường Mầm non liên

phường vì không còn đất để xây trường Mầm non. Số lượng trường lớp công lập cả Thành phố chỉ đáp ứng việc thu nhận 48,7% tổng số trẻ, 51,3% còn lại học ở các trường lớp tư thục.

Nhiều trường là các nhà phố nhỏ, hẹp, xuống cấp cần cải tạo sửa chữa; có nhiều điểm lẻ gây khó khăn cho công tác quản lý, đồng thời nhiều dự án xây dựng trường và cải tạo trường lớp vẫn chưa được thực hiện.

Không có phòng học dành cho trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

Tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm phần nhiều do tiêu chuẩn về cơ sở vật chất không đạt.

Hiện vẫn còn tồn tại 520 nhóm trẻ không phép: (trong đó có 39 nhóm giữ trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng; 77 nhóm giữ trẻ từ 13 tháng đến 18 tháng).

\* Trang thiết bị đồ dùng đồ chơi: Chưa có các trang thiết bị đồ dùng đồ chơi cho trẻ 6 tháng; ở các trường công lập thì đồ chơi dành cho trẻ nhà trẻ và trẻ 3 - 4 tuổi còn thiếu, nhất là ở các nhóm lớp ngoài công lập thì còn thiếu rất nhiều các trang thiết bị đồ dùng đồ chơi.

\* Chất lượng chăm sóc giáo dục: Sĩ số trẻ/lớp còn cao so với quy định nên ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình giáo dục Mầm non. Do thiếu trường lớp, thiếu giáo viên nên hầu như các trường công lập ở Thành phố không nhận trẻ từ 6 tháng tuổi.

Số trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng theo thống kê: 43.130; trong đó 286 trẻ đến trường, tỷ lệ: 0.66%. Số trường nhận trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng: 18 trường.

Số trẻ từ 13 tháng đến 18 tháng theo thống kê: 56.464; trong đó 2.264 trẻ đến trường, Tỷ lệ: 4%. Số trường nhận trẻ từ 13 tháng đến 18 tháng: 120 trường.

Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở một số cơ sở mầm non ngoài công lập còn thấp, điều kiện sống của trẻ còn hạn chế nên chưa tạo được sự công bằng đối với trẻ

Như vậy, số trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi được học tại các cơ sở giáo dục mầm non rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của phụ huynh, nhất là đối tượng con công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

\* Về giáo viên:

Hiện nay trong chương trình đào tạo của các trường sư phạm chưa chú trọng việc dạy giáo viên mầm non các kỹ năng chăm sóc trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi,

đồng thời các trường mầm non công lập cũng hạn chế nhận trẻ ở độ tuổi này nên các sinh viên không có chỗ kiến, thực tập. Chính vì vậy, giáo viên mầm non hiện nay thiếu kiến thức, kỹ năng chăm sóc trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

Hiện tại, tổng số giáo viên mầm non: 18.554 (công lập: 9.076, ngoài công lập: 9.468). Trong đó: giáo viên nhà trẻ là 4.349, giáo viên mẫu giáo là 14.195.

Với thực trạng này, cần thiết phải tập trung bồi dưỡng cập, nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý bậc mầm non các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường Bồi dưỡng Giáo dục quận, huyện. Đặc biệt là kiến thức, kỹ năng chăm sóc trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi. Trước hết là bồi dưỡng cho các giáo viên nhà trẻ các trường mầm non công lập của 08 quận, huyện làm thí điểm nhận cháu từ 6 tháng tuổi.

### **III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

#### **1. Năm học 2014 - 2015**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện thí điểm ở 8 quận huyện: Bình Chánh, Bình Tân, Củ Chi, Nhà Bè, Tân Phú, Thủ Đức, Quận 7, Quận 12 về công tác nhận chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi.

- Mỗi quận, huyện thí điểm từ 1 đến 2 trường mầm non công lập.

- Tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch đến chính quyền các cấp, các tổ chức và nhân dân ủng hộ nhằm tranh thủ sự đồng thuận của cộng đồng.

- Sơ kết rút kinh nghiệm 1 năm thực hiện thí điểm về việc chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

#### **2. Năm học 2015 - 2016:**

- Triển khai thực hiện tại 12 quận, huyện (50% số quận, huyện): thực hiện thêm tại 04 quận: quận 9, 11, Gò Vấp, Tân Bình.

- Quận, huyện thực hiện theo lộ trình đã xây dựng.

- Khuyến khích các quận, huyện có điều kiện đăng ký thực hiện.

- Sơ kết 2 năm thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

#### **3. Năm học 2016 - 2017:**

- Thực hiện đại trà tại 24 quận, huyện.

- Cùng cố và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng tuổi.

- Tổng kết 3 năm thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

#### **4. Năm học 2017 - 2018 và các năm tiếp theo:**

Các quận, huyện tập trung mở rộng số trường nhận trẻ và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ từ 6 tháng tuổi.

**5. Đối tượng ưu tiên:** Con công nhân lao động, hộ nghèo.

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP**

#### **1. Công tác tuyên truyền**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trách nhiệm trong các cấp, các ngành, gia đình và xã hội, để người dân nhận thức rõ tính ưu việt của chế độ chăm sóc giáo dục trẻ em là quyền và nghĩa vụ của cộng đồng. Từ đó, giáo dục mầm non sẽ nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phụ huynh, các cấp, các ngành và của toàn xã hội.

- Tuyên truyền trong xã hội để các bậc cha mẹ thấy rõ hơn vai trò của gia đình trong việc chăm sóc trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi, lứa tuổi rất cần sự ôm ấp yêu thương của người thân để phát triển tốt.

- Giáo dục tuyên truyền về tư tưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nhà giáo trong thực hiện nhiệm vụ.

- Khuyến khích công tác xã hội hóa giáo dục mầm non, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện lộ trình cũng như nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

#### **2. Rà soát thống kê số trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi**

Ủy ban nhân dân quận, huyện tiến hành rà soát, thống kê số trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng và từ 12 tháng đến 18 tháng.

Thống kê số trẻ ở độ tuổi này hiện đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn. Từ đó nắm được tổng số trẻ hiện có và nhu cầu thực tế của phụ huynh đối với trẻ ở độ tuổi này. Dựa trên số liệu để chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất và đội ngũ.

Thống kê các nhóm lớp có phép và không phép để có biện pháp quản lý tốt hơn:

- Hỗ trợ các nhóm lớp về thủ tục, chuyên môn để được cấp phép.

- Kiên quyết đóng cửa đối với các nhóm không đảm bảo điều kiện an toàn cho trẻ.

- Yêu cầu thực hiện cam kết với địa phương đối với các hộ giữ trẻ tự phát có số trẻ từ 1 đến 9 trẻ (292 nhóm).

### **3. Phát huy xã hội hóa:**

Ủy ban nhân dân Thành phố khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng trường Mầm non với các hình thức:

a) Ưu tiên dành quỹ đất cho việc xây dựng các trường mầm non ngoài công lập trong quy hoạch sử dụng đất dành cho giáo dục Thành phố. Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện công khai chi tiết, cụ thể về quy hoạch sử dụng đất dành cho giáo dục, trong đó có đất dành cho giáo dục mầm non để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia thực hiện.

b) Có chính sách kêu gọi xã hội hóa từ mặt bằng đã được xử lý theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước để tiếp tục sử dụng mặt bằng xây dựng trường mầm non theo quy hoạch và quy chuẩn trường lớp của ngành giáo dục và đào tạo.

c) Điều chỉnh chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non, theo hướng:

- Mở rộng đối tượng cho vay vốn kích cầu đầu tư mới xây dựng trường mầm non với mức ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất;

- Điều chỉnh thời gian trả vốn vay từ 07 năm đến 10 năm, 15 năm; tùy theo quy mô của dự án đầu tư;

- Ủy ban nhân dân quận, huyện cân đối từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn khác cho các cá nhân vay không tính lãi suất nhằm cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho các nhóm trẻ gia đình để bảo đảm điều kiện cấp phép hoạt động.

- Vận động phụ huynh đóng góp đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị... phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

### **4. Hỗ trợ nhóm lớp không phép:**

Tổ chức hướng dẫn các thủ tục về hồ sơ đối với các nhóm trẻ đủ điều kiện để cấp phép hoạt động theo quy định.



Hướng dẫn các nhóm, lớp về chuyên môn nghiệp vụ.

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức các lớp phổ biến kiến thức và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho người nuôi giữ trẻ.

Ủy ban nhân dân quận, huyện hỗ trợ vay vốn từ ngân sách địa phương cho các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhóm trẻ gia đình đầu tư, sửa chữa cơ sở đạt chuẩn để được cấp phép hoạt động.

**5. Đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ quản lý và giáo viên:** Theo kế hoạch đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập từ ngân sách nhà nước.

#### **6. Đầu tư xây dựng trường, lớp; cơ sở vật chất:**

- Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện rà soát nhu cầu xây dựng, mở rộng trường lớp đảm bảo đáp ứng đủ trường lớp thu nhận trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Ngân sách Thành phố và địa phương đảm bảo đầu tư đủ thiết bị và đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho trẻ, để có đủ điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non đúng theo độ tuổi, tạo điều kiện cho các trường có dạy trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi được phát triển ổn định và bền vững.

### **VI. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với sở ngành liên quan đề trình Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các chế độ, chính sách, cấp phát kinh phí theo yêu cầu của đề án.

- Lập kế hoạch, tiến độ triển khai đề án chi tiết.

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện đề án, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết về thực hiện đề án, rút kinh nghiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

#### **2. Sở Nội vụ:**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Ban

chỉ đạo thực hiện Đề án “Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn Thành phố từ năm 2014 đến 2020”.

- Chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu các chế độ, chính sách cho giáo viên, nhân viên tham gia giữ trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

**3. Sở Tài chính:** Cân đối, bố trí ngân sách thường xuyên, chương trình mục tiêu chi để đảm bảo các mục tiêu, tiến độ thực hiện đề án; phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Bố trí kinh phí để xây dựng, mở rộng trường lớp ở các quận, huyện đảm bảo đáp ứng đủ trường lớp thu nhận trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

- Chịu trách nhiệm phê duyệt kịp thời các dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức các lớp mầm non từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

- Chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non theo hướng đẩy mạnh cho vay vốn kích cầu đầu tư với mức ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất, điều chỉnh thời gian trả vốn vay dài hơn tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia dự án xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng trường mầm non.

#### **5. Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố:**

- Sử dụng một phần đất của khu quy hoạch công cộng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp để xây dựng trường mầm non, đảm bảo đủ lớp nuôi dạy trẻ từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi là con của công nhân, người lao động đang làm việc tại đây.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

**6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:** tiến hành rà soát, thống kê số trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng và từ 12 tháng đến 18 tháng, từ đó nắm được tổng số trẻ hiện có và nhu cầu thực tế của phụ huynh đối với trẻ ở độ tuổi này. Dựa trên số liệu để chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất và đội ngũ.

**7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức đoàn thể:** Thường xuyên tuyên truyền cho các bà mẹ về việc nuôi dạy trẻ an toàn, kiên quyết không gửi trẻ ở những điểm giữ trẻ không phép; tổ chức giám sát hoạt

---

động giáo dục, chăm sóc và nuôi dạy trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là các cơ sở ngoài công lập và nhóm trẻ gia đình, phát hiện kịp thời những điểm giữ trẻ không phép để kịp thời phối hợp chấn chỉnh, xử lý những sai phạm./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng